

HIỆN TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NGHỀ NUÔI NGAO VEN BIỂN TẠI XÃ NAM THỊNH, HUYỆN TIỀN HẢI, TỈNH THÁI BÌNH

Bùi Đắc Thuyết

Trường đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Tác giả liên hệ: buidacthuyet@gmail.com

Ngày nhận bài: 30.07.2018

Ngày chấp nhận đăng: 14.11.2018

TÓM TẮT

Nghiên cứu này nhằm đánh giá hiện trạng nghề nuôi ngao ven biển tại xã Nam Thịnh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình làm cơ sở đề xuất giải pháp phát triển nghề nuôi ngao ở đây. Cùng với việc thu thập các số liệu thứ cấp, các số liệu sơ cấp về hoạt động nuôi ngao tại xã Nam Thịnh cũng được thu thập thông qua phỏng vấn người nuôi bằng bộ phiếu câu hỏi chuẩn bị sẵn. Kết quả điều tra cho thấy diện tích ương, nuôi ngao toàn xã ổn định ở mức 1.152 ha từ năm 2014 đến nay, tuy nhiên diện tích ương và sản lượng ngao giống có xu hướng tăng lên (đạt 576 ha, 4.250 tấn năm 2017) trong khi diện tích và sản lượng ngao thương phẩm giảm (576 ha, 13.200 tấn năm 2017). Giá trị sản xuất từ ương, nuôi ngao năm 2017 đạt hơn 220 tỷ đồng, chiếm 42% tổng giá trị sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã. Dựa trên ma trận về những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức (SWOT) của nghề nuôi ngao ở đây, một số giải pháp phát triển nghề nuôi ngao tại Nam Thịnh được đề xuất như: hoàn thiện quy hoạch, phân vùng nuôi ngao; đầu tư nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng; có chính sách hỗ trợ người dân trong vay vốn đầu tư; nâng cao trình độ kỹ thuật ương, nuôi ngao và ứng phó với thiên tai thông qua các lớp tập huấn, hội thảo, chia sẻ kinh nghiệm; tăng cường, phối hợp trong kiểm soát chất lượng nguồn giống, môi trường, dịch bệnh và xây dựng chuỗi liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ ngao.

Từ khóa: Nghề nuôi ngao, SWOT, Thái Bình.

The Status Quo and Measures for Development of Hard Clam Farming in Nam Thinh, Tien Hai, Thai Binh

ABSTRACT

The objective of this study was to assess the current status and to find solutions for development of hard clam farming in Nam Thinh commune, Tien Hai district, Thai Binh province. Apart from secondary data, primary data were collected through survey of households involved in hard clam farming. Results showed that the total area of hard clam farming in Nam Thinh had remained stable at 1,152 ha since 2014. However, the area and production of clam seeds increased (576 ha, 4,250 tons in 2017) while the area commercial clam production decreased (576 ha, 13,200 tons in 2017) in the last few years. The revenue from hard clam farming in Nam Thinh was over VND 220 billion in 2017, accounting for 42% of the total revenue from production and business activities of the commune. Based on SWOT analysis of hard clam farming in Nam Thinh the following measures were proposed for development of hard clam farming in Nam Thinh: improving planning and zoning for hard clam farming; improving infrastructure; implementing policies supporting farmers in access to investment capital; improving culture techniques and natural disasters response for farmers via trainings, workshops and sharing experience; managing seed sources, environment and diseases; and establishing production - processing - marketing chains for hard clam farming.

Keywords: Hard clam farming, SWOT, Thai Binh province.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm qua, nghề nuôi ngao ven biển ở Thái Bình có những bước phát triển

mạnh mẽ và luôn dẫn đầu các tỉnh phía bắc nước ta về diện tích cũng như sản lượng ngao nuôi hàng năm (Bùi Đắc Thuyết và Trần Văn Dũng, 2013). Với vị trí địa lý và điều kiện tự

nhiên thích hợp, vùng bãi triều rộng lớn, nuôi ngao ven biển được xem là một trong những định hướng chính và ngao là đối tượng nuôi chủ lực trong “Quy hoạch tổng thể phát triển thủy sản của tỉnh Thái Bình giai đoạn 2017-2020 và tầm nhìn đến năm 2030”. Đến năm 2020, diện tích ương, nuôi ngao toàn tỉnh Thái Bình dự kiến sẽ tăng lên khoảng 4.100 ha, đạt sản lượng khoảng 123.000 tấn và phát triển ổn định đến năm 2030 (HĐND tỉnh Thái Bình, 2017).

Trong hoạt động nuôi ngao ven biển tại Thái Bình, xã Nam Thịnh, huyện Tiền Hải có nghề nuôi ngao phát triển lâu đời, diện tích nuôi hiện tại chiếm khoảng hơn 1/3 tổng diện tích nuôi của toàn tỉnh. Theo UBND xã Nam Thịnh (2017), tổng giá trị thu được từ ương, nuôi ngao năm 2017 của xã đạt hơn 220 tỷ đồng, chiếm khoảng 42% tổng giá trị sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã. Như vậy, với những lợi thế vùng bãi triều cũng như kinh nghiệm của người dân, nghề nuôi ngao ven biển đã và đang đóng góp một phần không nhỏ trong phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

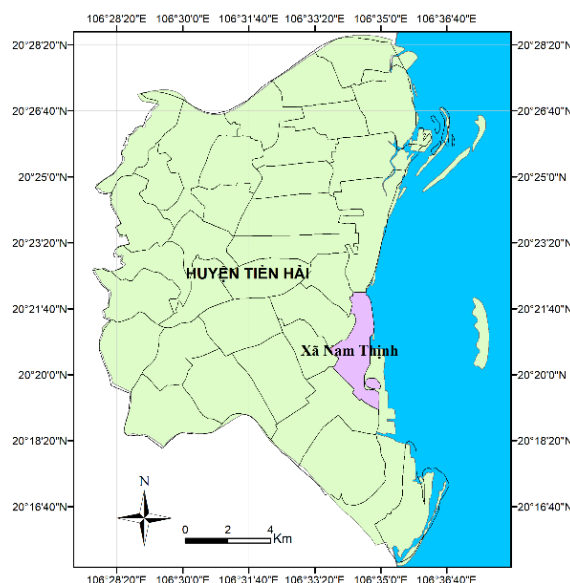
Tuy nhiên, nghề nuôi ngao ven biển nước ta gặp phải những khó khăn trong vài năm gần đây như ngao nuôi bị chết hàng loạt, thiếu vốn đầu tư, thị trường tiêu thụ không ổn định... Nhiều hộ nuôi gặp khó khăn về vốn để tái đầu tư sau nhiều lần nuôi bị thất bại (Bùi Đắc

Thuyết và Trần Văn Dũng, 2013). Cũng như nhiều địa phương khác trên cả nước, các hộ nuôi ngao tại xã Nam Thịnh có thể gặp phải những khó khăn, làm ảnh hưởng tới phát triển kinh tế của địa phương nói riêng và mục tiêu phát triển thủy sản của tỉnh Thái Bình nói chung. Do vậy, đánh giá hiện trạng nghề nuôi ngao ven biển tại xã Nam Thịnh, đặc biệt tập trung vào thu thập và phân tích các thông tin như diện tích và sản lượng nuôi, hình thức và quy mô nuôi, mật độ ương, nuôi, các khó khăn, kiến nghị của các nông hộ... cũng như phân tích các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức của nghề nuôi ngao ven biển là hết sức cần thiết, làm cơ sở để xuất các giải pháp góp phần phát triển nghề nuôi ngao ven biển tại địa phương.

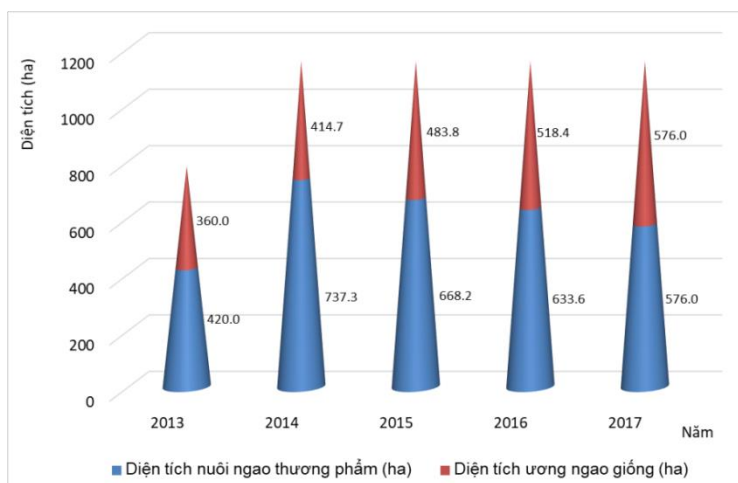
2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Địa điểm và thời gian

Nghiên cứu được tiến hành tại xã Nam Thịnh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình (20°20'57" vĩ độ Bắc, 106°35'47" kinh độ Đông) (Hình 1). Trên địa bàn xã có sông Lân chảy qua, vùng bãi triều rộng lớn nằm ở hai bên lạch Cửa Lẹ rất thuận lợi cho phát triển nuôi thủy sản. Chất đáy vùng ven biển chủ yếu là bùn pha cát và bùn nhuyễn, rất thích hợp cho sự sinh trưởng và phát triển của ngao.



Hình 1. Bản đồ địa điểm nghiên cứu - xã Nam Thịnh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình



Hình 2. Diện tích ương, nuôi ngao tại xã Nam Thịnh 2013-2017

Vùng ven biển xã Nam Thịnh có chế độ nhật triều thuận nhất, mực nước lên xuống nhanh. Hàng tháng có 2 lần nước lớn và 2 lần nước ròng, mỗi chu kỳ kéo dài 11-13 ngày; giữa chu kỳ là các kỳ nước kém, kéo dài 2-3 ngày. Biên độ thủy triều dao động tối đa 3,0-3,5 m; trung bình là 1,7-1,9 m và tối thiểu 0,3-0,5 m. Dựa vào đặc điểm thủy triều để người dân tiến hành các hoạt động chăm sóc, quản lý các vây ngao nuôi như thả giống, thu hoạch, vệ sinh bãi nuôi...

Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 1 đến tháng 6 năm 2018.

2.2. Thu thập số liệu

Số liệu thứ cấp: Dựa vào các báo cáo, số liệu thống kê hàng năm của xã Nam Thịnh về kết quả sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là hoạt động ương, nuôi ngao. Ngoài ra, các báo cáo, số liệu, thông tin chung về tình hình nuôi ngao và định hướng, quy hoạch phát triển nghề nuôi ngao ven biển ở tỉnh Thái Bình nói chung và xã Nam Thịnh nói riêng được thu thập từ Chi cục Nuôi Thủy sản Thái Bình, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Tiền Hải.

Số liệu sơ cấp: Dựa vào bộ câu hỏi chuẩn bị sẵn để thu thập các thông tin, số liệu liên quan đến hoạt động nuôi ngao của các nông hộ. Các thông tin thu thập và phân tích chính bao gồm loài nuôi, hình thức và quy mô nuôi, diện tích, mật độ, năng suất, sản lượng, kinh nghiệm ương nuôi, thị trường tiêu thụ, chi phí, lợi nhuận,

những khó khăn, kiến nghị... Lựa chọn các hộ tham gia phỏng vấn (60 hộ) là ngẫu nhiên, dựa vào danh sách các hộ nuôi ngao do xã cung cấp.

2.3. Xử lý, phân tích số liệu

Số liệu điều tra được xử lý bằng Excel 2010 theo phương pháp thống kê mô tả. Sử dụng phân tích SWOT (Strengths, Weaknesses, Opportunities and Threats) nhằm xác định điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Hiện trạng nghề nuôi ngao ven biển tại xã Nam Thịnh

Cơ sở hạ tầng và quy hoạch vùng nuôi ngao

Theo báo cáo của UBND xã Nam Thịnh (2017), vùng nuôi ngao của xã hiện nay tập trung ở các khu Gò Nổi, Cồn Thủ, Gò Lẹ, Gò Tử và phần lớn các vây nuôi nằm trong vùng quy hoạch nuôi ngao. Tuy nhiên, toàn xã hiện nay vẫn còn khoảng 256 ha đất bãi triều nuôi ngao ngoài vùng quy hoạch, chưa có phân định ranh giới rõ ràng nên thường xảy ra tình trạng tranh chấp giữa các hộ nuôi, gây khó khăn cho công tác quản lý. Cơ sở hạ tầng phục vụ vận chuyển ngao như cầu cảng, kênh, lạch đã được đầu tư, song còn ít và thiếu đồng bộ. Một số công trình đã xuống cấp, hệ thống bến cảng thô sơ, các kênh, lạch giao thông bị bồi cạn, hẹp.

Loài nuôi và diện tích nuôi

Kết quả điều tra cho thấy các hộ nuôi ngao tại xã Nam Thịnh hiện nay đều nuôi ngao Trắng (ngao Bến Tre) (*Meretrix lyrata*). Số liệu tổng hợp từ UBND xã Nam Thịnh (2013-2017) cho thấy tổng diện tích ương, nuôi ngao của toàn xã là 1.152 ha. Tuy nhiên, diện tích ương ngao giống tăng lên (từ 360 ha năm 2013 lên 576 ha năm 2017) trong khi diện tích nuôi ngao thương phẩm giảm (từ 420 ha năm 2013 tăng lên 737,3 ha năm 2014 và giảm dần xuống 576 ha năm 2017) (Hình 2). Diện tích ương ngao giống tăng trong những năm qua do các hộ chuyển một phần diện tích nuôi ngao thương phẩm sang ương ngao giống nhằm chủ động nguồn ngao giống (cõ ngao cức) thả nuôi thương phẩm hoặc bán cho các hộ nuôi khác không có điều kiện ương ngao giống. Hơn nữa, thời gian ương ngao giống ngắn hơn nuôi ngao thương phẩm, giảm chi phí, rủi ro và nhanh quay vòng vốn đầu tư.

Diện tích nuôi ngao của các hộ tương đối ổn định trong những năm qua và thường ở mức 1-2 ha (trung bình 1,76 ha). Hộ có diện tích ương, nuôi ngao lớn nhất là 16,1 ha và hộ có diện tích nhỏ nhất là 0,1 ha.

Nguồn lao động và kinh nghiệm ương, nuôi ngao

Nguồn lao động tại xã Nam Thịnh tương đối dồi dào, đủ đáp ứng cho hoạt động ương, nuôi ngao ở đây. Tổng dân số toàn xã năm 2016 là 7.058 người, trong đó 4.341 người trong độ tuổi lao động, chiếm 61,5% dân số toàn xã (UBND xã Nam Thịnh, 2016). Kết quả điều tra cũng cho thấy các hộ nuôi ngao ở đây không gặp khó khăn về nguồn nhân lực, lao động.

Các hộ nuôi ngao ở xã Nam Thịnh có số năm kinh nghiệm nuôi ngao khá cao (trung bình 18 năm và cao nhất là 24 năm). Đa số các hộ tự học hỏi kinh nghiệm về kỹ thuật ương, nuôi ngao (68,3% số hộ điều tra) và có 31,7% số hộ điều tra được tham gia các lớp tập huấn kỹ thuật ương, nuôi ngao hoặc được các cán bộ kỹ thuật hướng dẫn.

Nguồn giống, hình thức và mật độ ương, nuôi

Kết quả điều tra cho thấy nguồn giống cung cấp cho các hộ ương, nuôi ngao tại Nam Thịnh

hiện nay chủ yếu từ các cơ sở sản xuất giống ở Nam Định, Thanh Hóa. Đa số các hộ mua ngao giống bằng kinh nghiệm, không qua kiểm tra, kiểm dịch nên gặp rủi ro cao.

Phần lớn các hộ kết hợp cả ương ngao giống và nuôi ngao thương phẩm. Tính đến cuối năm 2017, toàn xã có 210 hộ ương, nuôi ngao; trong đó, 120 hộ (57%) kết hợp cả ương ngao giống và nuôi ngao thương phẩm, 40 hộ chỉ ương ngao giống và 50 hộ chỉ nuôi ngao thương phẩm. Các hộ có diện tích <1 ha thường chỉ ương ngao giống hoặc chỉ nuôi ngao thương phẩm.

Mật độ ương từ ngao tấm (2-3 vạn con/kg) lên ngao cức (400-500 con/kg) tại đây khoảng 4.000 con/m² (một số hộ ương với mật độ 7.000 con/m²), cao hơn rất nhiều so với hướng dẫn kỹ thuật (2.000 con/m²). Tương tự, mật độ ngao nuôi thương phẩm cũng khá cao (350-750 con/m²) so với khi mật độ nuôi thả hợp lý theo các hướng dẫn kỹ thuật (180-250 con/m²) (MCD, 2009; Nguyễn Thế Ánh và Ngô Trọng Lư, 2002). Mật độ ương, nuôi cao rất dễ dẫn đến tình trạng ngao chết hàng loạt khi có sự biến động lớn về môi trường (nắng nóng, thay đổi độ muối do mưa lũ), chất lượng ngao giảm vì phải cạnh tranh nguồn thức ăn, kéo dài thời gian nuôi (24-30 tháng), phát sinh nhiều chi phí và tăng rủi ro.

Năng suất, sản lượng và giá trị sản xuất

Sản lượng ngao giống ương tại xã Nam Thịnh năm 2013 chỉ đạt 780 tấn và tăng lên gấp 3 lần giai đoạn 2014-2016 do diện tích cũng như năng suất ương ngao giống tăng. Năm 2017, sản lượng ngao giống ương tại xã Nam Thịnh đã đạt 4.250 tấn. Năng suất ương ngao giống trung bình toàn xã đạt khoảng 7,38 ± 2,1 tấn/ha năm 2017. Giá trị sản xuất từ ương ngao giống tăng từ 32,7 tỷ đồng năm 2013 lên 92,5 tỷ đồng năm 2017 (UBND xã Nam Thịnh, 2017) (Hình 3).

Sản lượng ngao nuôi thương phẩm tại xã Nam Thịnh có xu hướng giảm trong những năm gần đây do ngao nuôi bị chết hàng loạt, năng suất nuôi giảm và các hộ chuyển một phần diện tích nuôi ngao thương phẩm sang ương ngao giống. Sản lượng ngao nuôi thương phẩm đạt 20.500 tấn năm 2013, giảm xuống 18.500 tấn năm 2014 do xảy ra 2 đợt ngao chết hàng loạt (tháng 6, tháng 8/2014 với tổng diện tích ngao

nuôi bị chết >260 ha, tỉ lệ chết 30-80%). Từ năm 2016, người dân chuyển hướng sang đầu tư ương ngao giống nên sản lượng ngao thương phẩm giảm (13.200 tấn năm 2017). Do sản lượng ngao nuôi thương phẩm giảm nên giá trị sản xuất từ nuôi ngao thương phẩm liên tục giảm từ 250,1 tỷ đồng năm 2013 xuống 128,2 tỷ đồng năm 2017 (Hình 4).

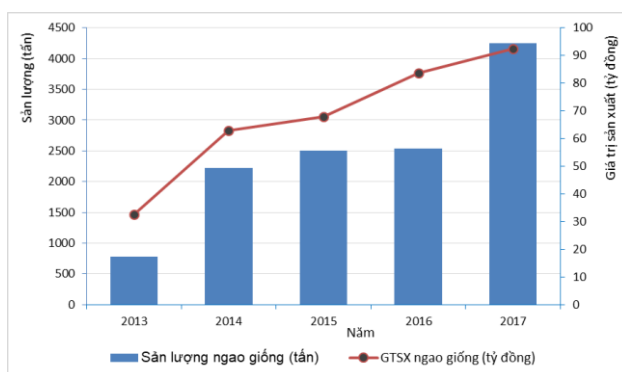
Thị trường tiêu thụ

Ngao thương phẩm chủ yếu được bán cho thương lái (67,4% số hộ) và chỉ 6,5% số hộ bán lẻ. Có 26,1% số hộ điều tra bán ngao thương phẩm trực tiếp cho nhà máy chế biến (Công ty TNHH Nghêu Thái Bình tại thôn Quang Thịnh, xã Nam Thịnh). Hiện nay, mỗi năm công ty này tiêu thụ khoảng 1/4 sản lượng ngao của toàn xã để chế biến và xuất khẩu sang Châu Âu, Hàn Quốc, Nhật Bản... Qua điều tra các chủ hộ nuôi ngao đều trả lời thị trường đầu ra của sản phẩm không ổn định, chủ yếu bán cho thương lái nên rất dễ gặp tình trạng bị ép giá và theo kiểu “được mùa mất giá”. Một số ít hộ nuôi có hợp

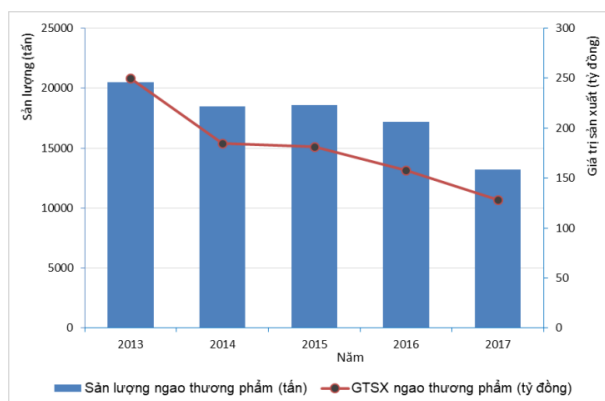
đồng tiêu thụ sản phẩm với Công ty TNHH Nghêu Thái Bình để xuất khẩu, tuy nhiên các hợp đồng ngắn hạn và chủ yếu là hợp đồng miệng nên chưa có tính pháp lý và ổn định.

Chi phí, thu nhập từ ương, nuôi ngao

Thực tế các hộ được điều tra đều không nhớ chính xác hay ghi chép chi tiết về doanh thu, chi phí đầu tư (chi phí thuê và cải tạo bãi nuôi, chi phí giống, chi phí thuê nhân công...) cũng như lợi nhuận thu được. Tuy nhiên, theo ước tính của các hộ, trung bình 1 ha ương ngao giống thu được khoảng 5 tấn ngao giống, giá bán 20.000-25.000 đồng/kg, thu được 100-125 triệu đồng/ha; như vậy, trừ các chi phí (không tính công lao động gia đình) khoảng 60 triệu đồng/ha, các hộ ương ngao giống còn 40-65 triệu đồng/ha. Đối với nuôi ngao thương phẩm, trung bình 1 ha thu hoạch khoảng 30 tấn ngao, giá bán 8.000-10.000 đồng/kg, chủ hộ thu về khoảng 240-300 triệu đồng/ha, trừ các chi phí (không tính công lao động gia đình) còn 160-200 triệu đồng/ha.



Hình 3. Sản lượng và giá trị sản xuất ngao giống tại xã Nam Thịnh 2013-2017



Hình 4. Sản lượng và giá trị sản xuất ngao thương phẩm tại xã Nam Thịnh 2013-2017

Bảng 1. Khó khăn hiện nay trong hoạt động ương, nuôi ngao tại xã Nam Thịnh

Khó khăn	Số trả lời	Tỷ lệ % trên tổng số hộ điều tra (n = 60)
Thiếu vốn	53	88,3
Thị trường tiêu thụ kém, không ổn định	45	75,0
Nguồn giống không đảm bảo	25	41,7
Hạn chế về kỹ thuật ương, nuôi	16	26,7
Thường xuyên xảy ra hiện tượng ngao chết	13	21,7
Khó khăn khác	2	3,3

Bảng 2. Đề xuất, kiến nghị của các hộ nuôi ngao ở xã Nam Thịnh

Đề xuất, kiến nghị	Số trả lời	Tỷ lệ % trên tổng số hộ điều tra (n = 60)
Hỗ trợ về vay vốn	53	88,3
Hỗ trợ tìm thị trường tiêu thụ	45	75,0
Hỗ trợ quan trắc môi trường, dịch bệnh	43	71,7
Hỗ trợ kiểm soát nguồn giống đảm bảo	33	55,0
Hỗ trợ kỹ thuật	26	43,3
Hỗ trợ khác	12	20,0

Khó khăn và kiến nghị

Kết quả điều tra cho thấy khó khăn hiện nay của hầu hết các hộ là thiếu vốn (88,3%). Ngoài ra, thị trường tiêu thụ kém, không ổn định cũng là một trong những khó khăn lớn (75,0% số hộ). Có 41,7% số hộ điều tra gặp khó khăn về nguồn giống không đảm bảo (Bảng 1).

Mặc dù hiện tượng ngao nuôi bị chết hàng loạt không phải là khó khăn thường gặp hiện nay (21,7%) nhưng có 86,7% số hộ điều tra đã gặp phải hiện tượng ngao nuôi bị chết hàng loạt trong các năm 2012-2014. Nghiên cứu của Bùi Đắc Thuyết và Đặng Thị Lua (2016) cũng cho thấy thay đổi đột ngột về nhiệt độ, độ muối là những nguyên nhân chính dẫn đến hiện tượng ngao nuôi bị chết hàng loạt tại Thái Bình. Do vậy, mặc dù ngao nuôi chết hàng loạt không phải là khó khăn chính được các hộ đưa ra hiện nay, đây vẫn là vấn đề có thể ảnh hưởng tới phát triển ổn định nghề nuôi ngao trong điều kiện biến đổi khí hậu (BĐKH).

Kết quả điều tra cho thấy đa số các hộ kiến nghị được hỗ trợ vay vốn đầu tư (88,3%), hỗ trợ tìm thị trường tiêu thụ (77,0%) và hỗ trợ quan trắc môi trường, dịch bệnh tại vùng nuôi (71,7%). Các hộ nuôi cũng đề nghị được hỗ trợ về

kiểm soát nguồn giống (55% số hộ điều tra) và mở thêm các lớp tập huấn về kỹ thuật ương, nuôi ngao (43,3%) (Bảng 2).

3.2. Phân tích ma trận SWOT và giải pháp phát triển nghề nuôi ngao ven biển tại xã Nam Thịnh

Phân tích ma trận SWOT để đưa ra các giải pháp nhằm phát triển nghề nuôi ngao tại xã Nam Thịnh được trình bày chi tiết ở bảng 3.

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Hoạt động nuôi ngao ven biển tại xã Nam Thịnh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình rất phát triển trong những năm qua và theo hướng chuyển đổi từ nuôi ngao thịt sang ương ngao giống. Năm 2017, diện tích ương ngao giống đã ngang bằng với diện tích nuôi ngao thương phẩm (576 ha). Sản lượng ngao giống tăng từ 780 tấn năm 2013 lên 4.250 tấn năm 2017 trong khi sản lượng ngao thương phẩm giảm từ 20.500 tấn năm 2013 xuống 13.200 tấn năm 2017. Giá trị sản xuất từ ương, nuôi ngao năm 2017 đạt hơn 220 tỷ đồng, đóng góp một phần không nhỏ trong cơ cấu kinh tế của địa phương.

Bảng 3. Phân tích ma trận SWOT và đề xuất giải pháp phát triển nghề nuôi ngao ven biển tại xã Nam Thịnh

	Điểm mạnh (Strengths - S)	Điểm yếu (Weaknesses - W)
Ma trận SWOT	- Vùng bãi triều rộng lớn, thích hợp cho ương, nuôi ngao. - Loài nuôi dễ chăm sóc, quản lý, sử dụng nguồn thức ăn tự nhiên nên không tốn chi phí thức ăn. - Người dân có kinh nghiệm trong nuôi ngao. - Nguồn lao động địa phương dồi dào. - Sử dụng máy đánh bắt, đảo ngao nâng cao hiệu quả sản xuất và kinh tế. - Công ty TNHH Nghêu Thái Bình chế biến, xuất khẩu ngao được đặt ngay tại xã Nam Thịnh.	- Thiếu vốn sản xuất và khó tiếp cận nguồn vốn đầu tư. - Tính liên doanh, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ chưa cao nên dễ gặp tình trạng bị thương lái ép giá. - Kiểm soát nguồn giống đảm bảo chất lượng còn hạn chế. - Nhiều hộ chưa tuân thủ các hướng dẫn kỹ thuật ương, nuôi ngao. - Cơ sở hạ tầng vùng nuôi ngao chưa đảm bảo, còn 256 ha nuôi không nằm trong vùng quy hoạch.
Cơ hội (Opportunities - O)	Giải pháp S-O	Giải pháp W-O
- Thị trường tiêu thụ sản phẩm mở rộng khi Việt Nam hội nhập quốc tế và liên kết kinh tế khu vực (như: ASEAN, CPTPP...); - Hệ thống thông tin liên quan đến ương, nuôi ngao, nơi cung cấp giống, giá ngao... ngày càng phát triển, dễ tiếp cận trên internet/điện thoại thông minh. - Tỉnh Thái Bình hiện có nhiều chính sách, chiến lược, đề án nhằm phát triển thủy sản nói chung và sản xuất giống, nuôi ngao nói riêng.	- Xây dựng mối liên kết giữa Công ty TNHH Nghêu Thái Bình với các hộ nuôi ngao tại địa phương nhằm tiêu thụ và quảng bá ngao nuôi tại địa phương ra thị trường quốc tế. - Dựa vào các chính sách hỗ trợ, chiến lược, đề án phát triển thủy sản của Tỉnh và tiềm năng của địa phương để khuyến khích, hỗ trợ và định hướng cho người dân phát triển nghề nuôi ngao. - Ứng dụng công nghệ thông tin để quảng bá sản phẩm ngao của địa phương cũng như cung cấp các thông tin liên quan (như: nơi cung cấp giống đảm bảo chất lượng, thị trường tiêu thụ, giá sản phẩm...) cho các hộ nuôi.	- Xây dựng và mở rộng chuỗi liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ ngao. - Phối hợp với các ngân hàng, quỹ tín dụng nhằm tạo điều kiện cho hộ nuôi tiếp cận dễ dàng với nguồn vốn. Các ngân hàng nên xem xét gia hạn nợ, giảm lãi suất tiền vay cho những hộ gặp khó khăn, bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trong quá trình sản xuất. - “Đề án phát triển sản xuất ngao giống tỉnh Thái Bình giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025” sẽ cung cấp nguồn con giống đảm bảo chất lượng. - Dựa vào quy hoạch, chiến lược phát triển thủy sản của Tỉnh để hoàn thiện quy hoạch, phân vùng nuôi ngao tại xã Nam Thịnh. Đầu tư nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng phục vụ nuôi ngao.
Thách thức (Threats - T)	Giải pháp S-T	Giải pháp W-T
- Cạnh tranh về thị trường tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài nước. - Ô nhiễm môi trường biển ảnh hưởng đến ngao nuôi (gây chết, giảm chất lượng ngao...). - Tác động của BĐKH đến nuôi ngao ven biển. - Hiện tượng ngao nuôi bị chết hàng loạt.	- Nâng cao chất lượng và đảm bảo thương hiệu ngao sản xuất tại Nam Thịnh. - Nâng cao vai trò và phối hợp của cộng đồng trong việc kiểm soát môi trường, giám sát dịch bệnh tại các vùng nuôi ngao cũng như xử lý ô nhiễm khi ngao nuôi bị chết hàng loạt. - Các hộ nuôi tích cực, chủ động phòng chống và giảm thiểu rủi ro từ thiên tai.	- Thành lập các Hiệp hội hay Hợp tác xã nuôi ngao để liên kết các hộ nuôi, chia sẻ kinh nghiệm, phòng ngừa dịch bệnh đồng loạt, cung ứng nguồn giống đảm bảo chất lượng, tìm kiếm các thị trường tiêu thụ sản phẩm... - Tăng cường tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật ương, nuôi ngao. Tổ chức tham quan thực tiễn, học hỏi kinh nghiệm các mô hình nuôi ngao hiệu quả. - Các hộ nuôi, cần tuân thủ theo các hướng dẫn về kỹ thuật ương, nuôi ngao, không nuôi với mật độ quá cao. - Tăng cường tập huấn và tuyên truyền về phòng chống thiên tai.

Để góp phần phát triển nghề nuôi ngao tại xã Nam Thịnh, một số giải pháp được đề xuất như: hoàn thiện công tác quy hoạch, phân vùng nuôi ngao; đầu tư nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ

tầng phục vụ nuôi ngao; tăng cường công tác tập huấn, tuyên truyền tới người dân các kỹ thuật ương, nuôi ngao và ứng phó với thiên tai; có chính sách hỗ trợ người dân trong vay vốn đầu

tư; tăng cường kiểm soát chất lượng nguồn giống, môi trường, dịch bệnh và xây dựng chuỗi liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ ngao.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Thế Ánh và Ngô Trọng Lư (2002). Kỹ thuật nuôi ngao, nghêu, sò huyết và ngọc trai. Nhà xuất bản Lao động - Xã hội, Hà Nội.
- HĐND tỉnh Thái Bình (2017). Quy hoạch tổng thể phát triển thủy sản tỉnh Thái Bình giai đoạn 2017-2020, tầm nhìn đến năm 2030. Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND tháng 7/2017.
- MCD (2009). Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật nuôi ngao giống. Trung tâm Bảo tồn sinh vật biển và Phát triển cộng đồng.
- Bùi Đắc Thuyết và Đặng Thị Lua (2016). Nghiên cứu đánh giá sự biến động nhiệt độ và độ mặn tại vùng nuôi ngao ven biển tỉnh Thái Bình. Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 16: 84-88.
- Bùi Đắc Thuyết và Trần Văn Dũng (2013). Hiện trạng nghề nuôi ngao ở một số tỉnh ven biển miền Bắc và Bắc Trung Bộ, Việt Nam. Tạp chí Khoa học và

Phát triển, 11: 972-980.

- UBND tỉnh Thái Bình (2011). Quy hoạch tổng thể phát triển nuôi ngao vùng ven biển tỉnh Thái Bình giai đoạn 2011-2015 và tầm nhìn đến năm 2020. Quyết định số 1519/QĐ-UBND ngày 5/8/2011.
- UBND tỉnh Thái Bình (2017). Đề án phát triển sản xuất ngao giống tỉnh Thái Bình giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025. Quyết định số 2547/QĐ-UBND ngày 29/9/2017.
- UBND xã Nam Thịnh (2013). Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2013, phương hướng nhiệm vụ năm 2014.
- UBND xã Nam Thịnh (2014). Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2014, phương hướng nhiệm vụ năm 2015.
- UBND xã Nam Thịnh (2015). Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2015, phương hướng nhiệm vụ năm 2016.
- UBND xã Nam Thịnh (2016). Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2016, phương hướng nhiệm vụ năm 2017.
- UBND xã Nam Thịnh (2017). Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2017, phương hướng nhiệm vụ năm 2018.